TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bình Dương
Ông Đỗ Công Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 ; Quyết định hoãn phiên tòa số : 29/2026/QĐST- HNGĐ ngày 08/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trí B - sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn P (nay là thôn P), xã D, tỉnh Khánh Hòa
Ông B có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Hồng N - sinh năm 2004
Địa chỉ: Thôn P, xã S, tỉnh Khánh Hòa
Bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Trí B trình bày:

Ông và bà Phan Thị Hồng N tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau từ năm 2022 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Về sau cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ ông không tôn trọng ông, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2025 cho tới nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống của riêng mình. Nay, ông xác định không còn tình cảm với bà N, yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là Nguyễn Bảo N1, sinh

năm 2022, hiện con chung đang sinh sống cùng với bà N nên ông giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà N không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn vắng mặt không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Trí B được ly hôn với bà Phan Thị Hồng N. Giao con chung Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 23/8/2022 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông B cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 08/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị hội đồng xét xử không xét. Về án phí: Nguyên đơn nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trí B và bà Phan Thị Hồng N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã D (nay là xã D), tỉnh Khánh Hòa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 57/2022 ngày 05/10/2022, đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Nguyễn Trí B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn bà Phan Thị Hồng N vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông B xác định không còn tình cảm với bà N, không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân, không thể hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2025 cho tới nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N đến Tòa để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng bà N không đến Tòa làm việc, không có lời khai và tại phiên tòa bà N cũng vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà N có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không muốn hàn gắn

để xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét tình cảm vợ chồng giữa ông B và bà N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông B có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Trí B và bà Phan Thị Hồng N có 01 con chung Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 23/8/2022. Cháu N1 đang ở với bà N, để đảm bảo cho sự phát triển mọi mặt của con chung ông B tự nguyện giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét việc giao con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, không vi phạm pháp luật nên cần chấp nhận là phù hợp.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ông B và bà N đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung với bà N, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét. Do bị đơn bà N chưa có lời khai về vấn đề này nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Trí B được ly hôn với bà Phan Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo N1, sinh ngày 23/8/2022 cho bà Phan Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Trí B cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Trí B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, ông B và bà N đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Trí B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà ông B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003426 ngày 29 tháng 4 năm 2026 của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, ông Nguyễn Trí B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trí B nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

Quy định: Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng ông B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4,6 và 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bán án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Thị Tuyết Sương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3 -Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Diên Khánh (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.